

Chi tiết mã HS 1501.20.00

Mã HS	1501.20.00
Mô tả hàng hóa	Mỡ lợn (kể cả mỡ từ mỡ lá và mỡ khố) và mỡ gia cầm, trừ các loại thuộc nhóm 02.09 hoặc 15.03 / - Mỡ lợn khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	31/10/2026 01:28:20
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/15012000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K1867
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N1867
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q1867
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E1854
ATIGA	2022	2022	0	AT!E1827
ATIGA	2023	2023	0	AT!F1827
ATIGA	2024	2024	0	AT!G1827
ATIGA	2025	2025	0	AT!H1827
ATIGA	2026	2026	0	AT!I1827
ATIGA	2027	2027	0	AT!J1827
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E1857
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F1857
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G1857

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H1857
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I1857
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J1857
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E1859
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F1859
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G1859
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H1859
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I1859
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J1859
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F1861
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H1829
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F1829
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G1829
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H1829
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I1829
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J1829
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K1829
VKFTA	2022	2022	0	VK!E1827
VKFTA	2023	2023	0	VK!F1827
VKFTA	2024	2024	0	VK!G1827
VKFTA	2025	2025	0	VK!H1827
VKFTA	2026	2026	0	VK!I1827
VKFTA	2027	2027	0	VK!J1827
VCFTA	2022	2022	2	VC!D1868
VCFTA	2023	2023	1	VC!E1868
VCFTA	2024	2024	0	VC!F1868

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G1868
VCFTA	2026	2026	0	VC!H1868
VCFTA	2027	2027	0	VC!I1868
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D1867
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E1867
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F1867
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G1867
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H1867
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I1867
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D1873
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E1873
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F1873
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G1873
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H1873
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I1873
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D1830
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E1830
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F1830
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G1830
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H1830
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I1830
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D1832
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E1832
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F1832
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G1832
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H1832

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I1832
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	2	CPTPP!D1830
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E1830
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F1830
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G1830
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H1830
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I1830
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J1830
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D1859
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E1859
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F1859
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G1859
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H1859
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I1859
RCEP B	2022	2022	0	B!D1859
RCEP B	2023	2023	0	B!E1859
RCEP B	2024	2024	0	B!F1859
RCEP B	2025	2025	0	B!G1859
RCEP B	2026	2026	0	B!H1859
RCEP B	2027	2027	0	B!I1859
RCEP C	2022	2022	0	C!D1859
RCEP C	2023	2023	0	C!E1859
RCEP C	2024	2024	0	C!F1859
RCEP C	2025	2025	0	C!G1859
RCEP C	2026	2026	0	C!H1859
RCEP C	2027	2027	0	C!I1859

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D1859
RCEP D	2023	2023	0	D!E1859
RCEP D	2024	2024	0	D!F1859
RCEP D	2025	2025	0	D!G1859
RCEP D	2026	2026	0	D!H1859
RCEP D	2027	2027	0	D!I1859
RCEP E	2022	2022	0	E!D1862
RCEP E	2023	2023	0	E!E1862
RCEP E	2024	2024	0	E!F1862
RCEP E	2025	2025	0	E!G1862
RCEP E	2026	2026	0	E!H1862
RCEP E	2027	2027	0	E!I1862
RCEP F	2022	2022	0	F!D1859
RCEP F	2023	2023	0	F!E1859
RCEP F	2024	2024	0	F!F1859
RCEP F	2025	2025	0	F!G1859
RCEP F	2026	2026	0	F!H1859
RCEP F	2027	2027	0	F!I1859
VIFTA	2024	2024	*	VI!F1728
VIFTA	2025	2025	*	VI!G1728
VIFTA	2026	2026	*	VI!H1728
VIFTA	2027	2027	*	VI!I1728

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
--------------	-----	------------	-------	-------------------------	-------------------	-------------	------------------------

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1501.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 1501.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N1867), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.